

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG H3 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-PT  
Ngày 27 - 12 - 2019  
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H3 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

***TH2nh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Huy Lương

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tử Lượng

Phạm Thị Tuyết

*Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Len, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:***  
Bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 27 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLPT-DS ngày 22/10/2019 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST Ngày 09/09/2019 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 17/2019/QĐPT- DS ngày 19 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đinh Viết H, sinh năm 1960, địa chỉ cư trú: Phố Đ, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

*Người đại diện hợp pháp của ông H:* Chị Đinh Thị T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn T1, xã N2, tH2nh phố N3, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/8/2019)

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Viết M, sinh năm 1966 (tên gọi khác Đinh Văn M), địa chỉ cư trú: Phố Đ, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

*Người đại diện hợp pháp của ông M:* Bà Trần Thị Bích H1, sinh năm 1975 là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 26/12/2018).

3. *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Đinh Thị N4, sinh năm 1965; địa chỉ: Phố T2, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

3.2. Bà Đinh Thị H2 (tên gọi khác Đinh Thị H3), sinh năm 1950; địa chỉ: Phố Đ, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

*Người đại diện hợp pháp của bà H3:* Bà Đinh Thị N4, sinh năm 1965; địa chỉ: Phố T2, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/12/2018).

3.3. Bà Đinh Thị H4, sinh năm 1971; địa chỉ: Phố Đ, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

3.4. Bà Đinh Thị H5, sinh năm 1957; địa chỉ: Phố Đ, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình

*Người đại diện hợp pháp của bà H5:* Bà Đinh Thị H4, sinh năm 1971; địa chỉ: Phố Đ, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/12/2018).

3.5. Ông Đinh Viết Đ1, sinh năm 1962; địa chỉ: Phố Đ, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

*Người đại diện hợp pháp của ông Đ1:* Bà Hứa Thị N4; địa chỉ: Phố Đ, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/3/2018).

3.6. Bà Trần Thị Bích H1, sinh năm 1975; địa chỉ: Phố Đ, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

3.7. Chị Đinh Thị Thanh T3, sinh năm 1993; địa chỉ: Phố Đ, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

3.8. Anh Lê Văn M1, sinh năm 1986; địa chỉ: Phố Đ, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

*Người đại diện hợp pháp của anh M1:* Chị Đinh Thị Thanh T3, sinh năm 1993; địa chỉ: Phố Đ, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/3/2018).

3.9. Chị Đinh Thanh T4, sinh năm 1998; địa chỉ: Phố Đ, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

*Người đại diện hợp pháp của chị Thủy:* Bà Trần Thị Bích H1, sinh năm 1975; địa chỉ: Phố Đ, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/3/2018).

3.10. Ông Trần Xuân L, sinh năm 1953; địa chỉ: Phố Tân Lập, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

3.11. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1957; địa chỉ: Phố Tân Lập, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

3.12. Chị Nguyễn Thanh T6, sinh năm 1982; địa chỉ: Phố HT, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

4. Người kháng cáo:

*Nguyên đơn:* Ông Đinh Viêt H, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Phố Đ, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt: Ông H, chị T, ông M, bà H, bà N4, bà H4, bà H5. Vắng mặt: Bà H2, ông Đ1, bà Như, chị Đinh Thị Thanh T3, anh M1, chị Đinh Thanh T4, ông L, bà Nguyễn Thị T5, chị Nguyễn Thanh T6.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 03/12/2018, bản tự khai ngày 11/01/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn trình bày:*

Cụ Đinh Viêt H6 và cụ Đinh Thị B là bố mẹ đẻ của nguyên đơn. Quá trình chung sống cụ H6 và cụ B có 08 người con đẻ là: Đinh Viêt T7, sinh năm 1949 (là Liệt sỹ hy sinh năm 1968, không có vợ con), Đinh Thị H2 (tên gọi khác Đinh Thị H3), sinh năm 1952, Đinh Thị H5, sinh năm 1958, Đinh Viêt H, sinh năm 1960, Đinh Viêt Đ1, sinh năm 1962, Đinh Viêt M, sinh năm 1968, Đinh Thị H4, sinh năm 1971 và Đinh Thị N4, sinh năm 1965.

Cụ H6 chết ngày 25/6/1998 và cụ B chết ngày 15/5/2014, không để lại di chúc. Tài sản cụ H6 và cụ B trước khi chết để lại là quyền sử dụng đất diện tích 628,6m<sup>2</sup>, tại phố Đ, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 mang tên ông Đinh Viêt H6 (diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 585m<sup>2</sup>) và diện tích 04 sào bắc bộ (đất Nông nghiệp). Trên diện tích đất thổ cư có 01 nhà 2 mái ngói ba gian đã cũ và công trình phụ.

Khi cụ H6 và cụ B còn sống thì ông Đinh Viêt M cùng vợ là Trần Thị H1 sống cùng trên mảnh đất trên. Tuy nhiên cụ H6 và cụ B ở và sinh hoạt riêng nhà. Năm 1996, Đinh Viêt H6 bị ốm nặng, nằm liệt một chỗ, toàn bộ tiền chi phí thuốc men, chăm sóc cụ H6 do ông H, bà Đinh Thị H3, ông Đinh Viêt Đ1 và ông Đinh Viêt M cùng nhau phụng dưỡng cho đến khi cụ H6 chết. Sau khi cụ H6 chết, cụ B đã nhiều lần bị ốm, đặc biệt cụ B bị bệnh lao phổi, sức khỏe yếu,

chân tay run, nhiều lúc không tỉnh táo nhiều lần phải đi viện điều trị và nhờ thầy thuốc tiêm và điều trị tại nhà. Trong suốt quá trình cụ B ốm có ông H, ông Đ1, ông M, bà H3 chăm sóc. Cụ B ở một mình, toàn bộ số tiền phục vụ việc sinh hoạt của cụ B là số tiền trợ cấp mẹ liệt sỹ cụ B được hưởng từ ông Đinh Viết T7 là liệt sỹ.

Thời gian gần đây, anh em trong gia đình ông H có việc bắt H3 trong cách cư xử của vợ chồng ông Đinh Viết M và bà Trần Thị Bích H1. Ông M và bà H1 đã cầm sổ đỏ của cụ H6 và cụ B và tự ý xây vít cổng nhà2 của cụ H6 và cụ B không cho anh em trong gia đình sang thắp hương cho ông bà tổ tiên, điều này là trái với đạo Đ1 của xã hội. Ngày 25/9/2018, ông M và bà H1 đã đưa ra bản di chúc (bản sao) và biên bản về việc tách đất vườn. Sau khi biết việc này ông H thấy nội dung trong di chúc không phải tâm ý của cụ H6 và cụ B khi còn sống và cũng không phải ý kiến của anh em trong gia đình. Trong bản di chúc có nhiều phần sai, nội dung không đúng, không rõ nghĩa, không có đạo đức, trái với quy định của pháp luật.

Nguyên đơn ông H làm đơn yêu cầu Tòa án chia toàn bộ tài sản là di sản thừa kế mà cụ H6 và cụ B để lại theo quy định của pháp luật là: Diện tích đất 628,6m<sup>2</sup> đất tại phố Đ, thị trấn N1 và 04 sào đất nông nghiệp tại cánh đồng nha khí tượng tại thị trấn N1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H rút yêu cầu chia 04 sào đất nông nghiệp tại cánh đồng nha khí tượng tại thị trấn N1 bổ sung yêu cầu hủy các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà cụ Đinh Thị B đã chuyển nhượng và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho những người được cụ Đinh Thị B chuyển nhượng.

*Tại bản tự khai ngày 25/12/2018 và tự khai bổ sung ngày 26/12/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn là ông Đinh Viết M trình bày:*

Bị đơn thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn ông H về mối quan hệ gia đình, huyết thống. Khi còn nhỏ ông M và các anh chị em của ông M đều sống chung với nhau cùng cụ H6 và cụ B dưới một mái nhà. Khi lớn lên các chị gái và em gái của ông M đã đi xây dựng gia đình và sống cùng chồng tại nhà chồng. Ông M, ông H và ông Đ1 vẫn sống cùng với cụ H6 và cụ B cho tới khi lập gia đình. Cụ H6 và cụ B khi còn sống có 03 mảnh đất ở và hơn 2000 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp. Sau khi ông M, ông H và ông Đ1 lập gia đình cụ H6 và cụ B đã chia cho mỗi người một mảnh đất để ở và sinh hoạt cụ thể như sau: Về phần đất của ông Đinh Viết H có nguồn gốc từ đất của ông Đinh Văn Th và bà Trần Thị Nh đã được UBND xã Đ P cấp cho một thửa đất, phía Đông giáp nhà Ông M, ông H và ông Đ1, phía Bắc giáp ruộng HTX Nông nghiệp; phía Tây giáp ruộng

nhà bà Hồng, phía Nam giáp đường Làng. Do không có nhu cầu sử dụng nên ông Th, bà Nh đã cho cụ H6 và cụ B để sử dụng lâu dài. Khi ông Đinh Viết H lập gia đình thì cụ H6 và cụ B đã cho anh ông Đinh Viết H mảnh đất trên để ông H sinh sống là lập nghiệp. Sau khi ông Đ1 lập gia đình thì cụ H6 và cụ B đã để lại mảnh đất mà cụ H6 và cụ B đang sinh sống cho ông Đ1. Cụ H6 và cụ B chuyển sang ở mảnh đất đối diện để cất nhà ở (hiện nay chính là mảnh đất mà vợ chồng ông M sinh sống). Khi cụ H6 và cụ B để lại đất để ông H và ông Đ1 sinh sống và lập nghiệp thì các chị em và bà con lối xóm đều biết. Khi còn sống cụ H6 đã gọi ông H, ông Đ1 về để nói về việc chăm sóc và phụng dưỡng bố mẹ khi về già nhưng ông H, ông Đ1 đều từ chối và không về. Vì vậy vợ chồng ông M cùng các chị em gái đều có trách nhiệm chăm sóc bố mẹ lúc ốm đau và chăm lo hương khói khi cụ H6 và cụ B khi chết.

Năm 1993, ông M đã lập gia đình với bà Trần Thị Bích H1 và cùng chung sống với cụ H6 và cụ B tại diện tích đất 585m<sup>2</sup> (đất ở là 210m<sup>2</sup>, đất vườn 375m<sup>2</sup>) và hơn 2000 m<sup>2</sup> (đất lúa, đất màu) đã được cấp GCNQSD mang tên cụ Đinh Viết H6. Năm 1998 cụ H6 bị bệnh nặng chết. Sau khi cụ H6 chết vợ chồng ông M sống cùng với cụ Đinh Thị B và phụng dưỡng cụ B. Năm 2004, cụ Đinh Thị B đã chuyển quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thanh T6 diện tích đất 122 m<sup>2</sup> (đất ở là 50m<sup>2</sup>, đất vườn là 72m<sup>2</sup>). Cũng trong năm 2004, cụ Đinh Thị B đã chuyển quyền sử dụng đất cho ông M diện tích 264m<sup>2</sup> (trong đó 70m<sup>2</sup> đất ở, và 194m<sup>2</sup> đất vườn) thuộc thửa số 03 tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Đồng Phong. Tổng diện tích còn lại của cụ H6, cụ B là 199 m<sup>2</sup>. Sau khi được cụ B chuyển nhượng quyền sử dụng đất, năm 2007 vợ chồng ông M đã xây dựng nhà mái bằng và các công trình trên đất, các anh chị em trong gia đình đều biết và không có ý kiến gì. Đến năm 2011, cụ Đinh Thị B đã có di chúc để lại cho ông Đinh Viết M. Khi lập bản di chúc trí tuệ cụ B hoàn toàn M mẫn và có sự chứng kiến của UBND thị trấn N1. Nội dung bản di chúc: Cụ B có nguyện vọng giao lại toàn bộ mảnh đất cũng như nhà cửa và công trình phụ cho ông Đinh Văn M (Đinh Viết M). Cụ thể là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 905, tờ bản đồ số 6, thửa số 03 cấp ngày 10/12/1994 mang tên ông Đinh Viết H6. Tháng 5/2014, cụ Đinh Thị B chết do tuổi cao bệnh trọng. Sau khi cụ B chết, vợ chồng ông M sử dụng nhà đất ổn định đến nay không có tranh chấp với ai.

Đến năm 2018, vợ chồng ông M đã chuyển quyền sử dụng đất cho 02 con gái: là chị Đinh Thanh T4 diện tích đất là 138,8m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 176, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính thị trấn N1 đã được cấp GCNQSD Đất số CG 358505 ngày 27/4/2018 mang tên Đinh Thanh T4. Chuyển nhượng cho chị Đinh Thanh T3 diện tích là 130,2m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 175, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính

thị trấn N1 đã được cấp GCNQSD Đất số CG 358504 ngày 27/4/2018 mang tên Lê Văn M1 và Đinh Thanh T3.

Đến ngày 03/12/2018, ông Đinh Viết H đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện N để đòi chia đất đai, tài sản do cụ H6 và cụ B để lại, trong đơn ông H “bố mẹ tôi chết không để lại di chúc” và nói “sau này biết việc bản di chúc mẹ tôi để lại cho tôi có nhiều phần sai, không đúng, không rõ nghĩa, không có đạo đức ...” ông H còn nói vợ chồng ông M tự ý xây vít cổng nhà cửa của cụ H6 và cụ B và không cho anh em trong gia đình sang thắp hương cho ông bà tổ tiên. Ông M xác định những điều ông H nói là không đúng sự thật. Từ trước tới giờ ông M chưa bao giờ cản trở các anh chị em trong gia đình trong việc thờ cúng tổ tiên, ông bà cha mẹ, cụ thể là ngày 23 tết âm lịch năm 2018, ông H và bà N4 còn sang dọn bàn thờ để thắp hương cho bố mẹ. Như vậy, đối với 3 anh em trai ông H, ông Đ1, ông M đã được bố mẹ cho 03 mảnh đất để ở riêng. Ông M đã giữ trọn đạo làm con đó là phụng dưỡng bố mẹ khi tuổi già sức yếu. Về việc quản lý, sử dụng đất của gia đình ông M và các con ông M đã được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật. Ông M đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông M.

*Tại các bản tự khai ngày 27/12/2018, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà H2 (H3), bà H5, bà N4, bà H4 trình bày:*

Bà H2 (H3), bà H5, bà N4, bà H4 thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn ông H và bị đơn ông M về mối quan hệ gia đình, huyết thống. Cụ H6 và cụ B có các tài sản là 585m<sup>2</sup> đất, 01 ngôi nhà gỗ cấp 4 ba gian xây dựng trên diện tích đất trên và 04 sào đất nông nghiệp tại cánh đồng Nha khí tượng thuộc phố Đ, thị trấn N1.

Năm 2004, cụ B có bán cho bà Nguyễn Thanh T6 122m<sup>2</sup> đất, chiều bóm mặt đường là 5m. Cũng trong năm 2004 cụ B có tách đất vườn cho con trai là ông Đinh Văn M (Đinh Viết M) 264m<sup>2</sup>. Năm 2011, cụ B đã làm di chúc để lại toàn bộ diện tích đất còn lại cho ông Đinh Văn M và bà Trần Thị Bích H1 gồm cả đất ở, đất vườn và đất nông nghiệp.

Nay ông Đinh Viết H khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế đối với các tài sản mà bố mẹ để lại (hiện nay do ông Đinh Viết M đang quản lý sử dụng), ý kiến Bà H2 (H3), bà H5, bà N4, bà H4 như sau: Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Viết H về phần đất ở và đất vườn vì trước đó bố mẹ tôi đã cho ba người con trai mỗi người một mảnh đất riêng biệt để sinh sống và lập nghiệp, cụ thể: Ông Đinh Viết H 405m<sup>2</sup> đất tại phố Đ; ông

Đình Viêt Đ1 582m<sup>2</sup> đất tại phố Đ, mảnh đất còn lại hiện nay ông M đang quản lý sử dụng.

Trường hợp Tòa án chia phần đất ở và đất vườn mà hiện nay ông M đang quản lý và sử dụng thì phần đất ở, đất vườn và các tài sản trên đất theo phần mà các bà được chia đều để lại cho ông M để sở hữu và sử dụng và không yêu cầu ông M phải thanh toán giá trị đất và tài sản trên đất thành tiền cho các bà.

*Tại bản tự khai ngày 02/01/2019, chị Đình Thanh T3 trình bày:*

Năm 2018, ông Đình Viêt M đã tách cho 2 chị em (chị T3 và chị T4) mỗi người một mảnh đất, phần chị T3 có diện tích là 130,2m<sup>2</sup> tại thửa số 175, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính thị trấn N1 đã được cấp GCNQSD Đất số CG 358504 mang tên Lê Văn M1 và Đình Thanh T3. Mục đích sử dụng: (Đất ở tại đô thị là 70m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 60,2m<sup>2</sup>); Thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2063. Địa chỉ: thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Chị T3 đề nghị Tòa án giải quyết bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng tôi là Lê Văn M1 và Đình Thanh T3 cùng với bố mẹ chị T3 là Đình Viêt M, Trần Thị Bích H1.

*Tại bản tự khai ngày 02/01/2019 chị Đình Thanh T4 trình bày:*

Năm 2018, ông Đình Viêt M đã tách cho 2 chị em (chị T3 và chị T4) mỗi người một mảnh đất, phần chị T4 có diện tích là 138,8m<sup>2</sup> tại thửa số 176, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính thị trấn N1 đã được cấp GCNQSD Đất số CG 358505 mang tên Đình Thanh T4 (Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm 138,8m<sup>2</sup>; thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2063). Địa chỉ: thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Chị T4 đề nghị Tòa án giải quyết bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đình Thanh T4 cùng với bố mẹ chị T4 là Đình Viêt M, Trần Thị Bích H1.

*Tại bản tự khai ngày 09/01/2019 ông Đình Viêt Đ1 trình bày:*

Ông Đình Viêt Đ1 thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn ông H và bị đơn ông M về mối quan hệ gia đình, huyết thống. Cụ H6 và cụ B chết không để lại di chúc. Tài sản của cụ H6 và cụ B trước khi chết để lại diện tích đất 628,6m<sup>2</sup> tại phố Đ, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Trên diện tích đất trên có 01 nhà mái ngói ba gian đã cũ và 04 sào đất nông nghiệp tại gò Vàng gần Nha khí tượng. Ông Đ1 yêu cầu chia thừa kế yêu cầu khởi kiện của ông Đình Viêt H.

*Tại bản tự khai ngày 05/04/2019 chị Nguyễn Thanh T6 trình bày:*

Năm 2004, cụ Đình Thị B có chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thanh T6 01 mảnh đất có diện tích là 122m<sup>2</sup>, trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở và 72m<sup>2</sup> đất vườn (nhưng thực tế theo bản đồ số đo đạc thì diện tích là 126,5m<sup>2</sup>). Việc mua bán đất

giữa chị Thủy và cụ B là hợp pháp đã được cấp chính quyền xác nhận và chị Thủy đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thanh T6. Hiện nay, các con trong gia đình cụ B là ông H khởi kiện ông M yêu cầu chia di sản thừa kế. Tòa án đã thông báo cho chị T6 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Chị T6 xác định không có liên quan gì trong vụ án. Chị T6 đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T6. Chị T6 đã được Tòa án công khai các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến gì. Chị T6 đề nghị Tòa án không triệu tập chị T6 tham gia tố tụng tại Tòa án. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị T6 cho đến khi kết thúc vụ án. Thửa đất chị T6 nhận chuyển nhượng của cụ B, chị T6 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho vợ chồng ông bà Nguyễn Thị T5, ông Trần Xuân L, ở phố TL, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào năm 2017.

*Tại bản tự khai ngày 23/4/2019, bà Nguyễn Thị T5 trình bày:*

Năm 2017, vợ chồng bà T3 có mua 01 mảnh đất diện tích 122m<sup>2</sup> của chị Nguyễn Thanh T6 ở phố HT, thị trấn N1. Việc mua bán giữa vợ chồng bà T3 và chị Thủy là đúng theo quy định của pháp luật. Vợ chồng bà T3 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị T5, ông Trần Xuân L. Nay mảnh đất vợ chồng bà T3 đã mua có liên quan đến vụ án yêu cầu chia di sản thừa kế. Tòa án đã thông báo cho vợ chồng bà T3 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nhưng vợ chồng bà T3 đề nghị Tòa án không đưa vợ chồng bà T3 vào tham gia tố tụng. Việc mua bán giữa vợ chồng bà T3 và chị T6 là ngay tình, đúng theo quy định của pháp luật. Vợ chồng bà T3 đề nghị Tòa án giải quyết bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng bà T3. Vợ chồng ông bà Nguyễn Thị T5, ông Trần Xuân L đã được Tòa án công khai các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và không có ý kiến gì. Vợ chồng ông bà Nguyễn Thị T5, ông Trần Xuân L đề nghị Tòa án không triệu tập vợ chồng bà T3, ông L tham gia tố tụng tại Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà T3, ông L cho đến khi kết thúc vụ án.

*Ngày 27/02/2019 Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản là di sản thừa kế hiện đang có tranh chấp. Kết quả sau khi xem xét thẩm định như sau:*

Diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Đình Viết H6 năm 1994 (khi chưa làm thủ tục chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thanh T6 và tách quyền sử dụng đất cho con trai út là ông Đình Viết M (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 06 có diện tích là 585m<sup>2</sup> của xã Đồng Phong.

Năm 2009, sau khi chuyển địa giới hành chính về thị trấn N1. Vị trí đất nằm trên thửa số 66, tờ bản đồ số 18 thuộc phố Đ, thị trấn N1. Diện tích đo đạc



thực tế còn lại là 231,3m<sup>2</sup> (trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 199m<sup>2</sup>). Lý do giảm diện tích là năm 2004 cụ Đinh Thị B đứng lên ký hồ sơ chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thanh T6 122m<sup>2</sup> đất (50m<sup>2</sup> đất ở và đất vườn 72m<sup>2</sup>) và tách cho con trai là ông Đinh Việt M 264m<sup>2</sup> đất (đất ở là 70m<sup>2</sup>, đất vườn là 194m<sup>2</sup>).

Theo bản đồ đo đạc địa chính năm 2012, diện tích 122m<sup>2</sup> đất cụ B đã bán cho chị T6 thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 18, diện tích đo đạc thực tế là 126,5m<sup>2</sup> và phần diện tích của cụ B tách đất cho con trai là ông Đinh Việt M thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 19, diện tích đo đạc thực tế là 269m<sup>2</sup>.

Năm 2018 ông Đinh Việt M tặng cho các con gái là Đinh Thanh T3 (chồng Lê Văn M1) diện tích đất là 130,2m<sup>2</sup> và Đinh Thanh T4 diện tích là 138,8m<sup>2</sup>.

Hiện trạng việc sử dụng đất của các hộ liền kề là ổn định ranh giới, mốc giới rõ ràng, không có tranh chấp. Có sai số về diện tích đất thực tế và trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do đo đạc bằng tay độ chính xác không cao.

Kết quả định giá tài sản ngày 31/05/2019 như sau:

1. Về giá trị quyền sử dụng đất: Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 6 bản đồ địa chính xã Đồng Phong (trước khi chuyển địa giới H2nh chính và chuyển nhượng quyền sử dụng đất) được tách thành 04 thửa sau: Thửa 176, tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính thị trấn N1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2018 mang tên chị Đinh Thanh T4 (đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2063 có diện tích đất là 138,8m<sup>2</sup>. Có giá trị chuyển nhượng là 138,8m<sup>2</sup> x 1.000.000 đồng/m<sup>2</sup> = 138.800.000 đồng; Thửa 175 tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính thị trấn N1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2018 mang tên vợ chồng anh Lê Văn M1, chị Đinh Thanh T3 (trong đó có 70m<sup>2</sup> đất ở, đất vườn là 60,2m<sup>2</sup>) có giá trị chuyển nhượng là (70m<sup>2</sup> x 3.000.000đồng/m<sup>2</sup> + 60,2m<sup>2</sup> x 1.000.000 đồng/m<sup>2</sup>) = 270.200.000 đồng; Thửa 67 tờ bản đồ số 18 bản đồ địa chính thị trấn N1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Xuân L, bà Nguyễn Thị T5 có diện tích là 126,5m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở, 76,5m<sup>2</sup> đất vườn) có giá trị chuyển nhượng là (50m<sup>2</sup> x 3.000.000đồng/m<sup>2</sup> + 76,5m<sup>2</sup> x 1.000.000 đồng/m<sup>2</sup>) = 226.500.000 đồng; Thửa 66 tờ bản đồ số 18 bản đồ địa chính thị trấn N1 của vợ chồng ông Đinh Việt H6, bà Đinh Thị B có diện tích là 231,3m<sup>2</sup> (trong đó đất ở là 90m<sup>2</sup>, đất vườn là 141,3m<sup>2</sup>) có giá trị chuyển nhượng là (90m<sup>2</sup> x 3.000.000đồng/m<sup>2</sup> + 141,3m<sup>2</sup> x 1.000.000 đồng/m<sup>2</sup>) = 411.300.000 đồng.

*Tổng giá trị quyền sử dụng đất là: 138.800.000 đồng + 270.200.000 đồng + 226.500.000 đồng + 411.300.000 đồng = 1.046.800.000 đồng.*

2. Các tài sản trên đất của cụ H6 và cụ B gồm có: nhà ở mái ngói ba gian (Móng đá tường xây gạch đỏ, vữa xi măng, nhà cột gỗ, đủ hàng cột theo kiểu nhà cổ, cửa gỗ đòn tay buong, mái lợp ngói đỏ nền bê tông xi măng cao 3,3m); nhà vệ sinh sau nhà ở của cụ H6 và cụ B, tường xây gạch bi vữa vi măng, mái lợp; Bê phốt xây gạch đỏ, vữa xi măng, có nắp bê tông cốt thép. Các tài sản trên đất của cụ H6 và cụ B trị giá 17.241.828 đồng. Các tài sản của ông M và bà H1 xây dựng trên đất là 228.524.589 đồng.

*Tổng giá trị các tài sản trên đất là 245.766.417 đồng.*

Tại bản án số: 05/2019/DS-ST Ngày 09/09/2019 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia 04 sào đất nông nghiệp tại phố Đ, thị trấn N1 do các đương sự đã có đơn thỏa thuận và đề nghị rút yêu cầu tại phiên tòa.

2. Không chấp nhận yêu cầu hủy các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đinh Viết H đối với các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cụ B cho ông Đinh Viết M, bà Nguyễn Thanh T6 và các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đinh Viết M cho chị Đinh Thanh T4 và vợ chồng chị Đinh Thanh T3, anh Lê Văn M1, hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Nguyễn Thanh T6 và vợ chồng ông Trần Xuân L, bà Nguyễn Thị T5;

Không chấp nhận yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đinh Viết H đối với các thửa đất cụ B đã chuyển nhượng cho người khác đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Công nhận 1 phần nội dung di chúc của cụ Đinh Thị B cho ông Đinh Viết M đối với ngôi nhà ngói ba gian phần cụ B được hưởng là 9.698.528 đồng.

4. Xác định di sản của cụ Đinh Viết H6 và cụ Đinh Thị B còn lại để chia theo pháp luật là quyền sử dụng đất diện tích là 288,24m<sup>2</sup> (trong đó 91,87m<sup>2</sup> đất ở, 196,37m<sup>2</sup> đất vườn) bao gồm phần diện tích đất thực tế còn lại của cụ H6 là 231,3m<sup>2</sup> (trong đó 90m<sup>2</sup> đất ở, 141,3m<sup>2</sup> đất vườn) và phần diện tích mà cụ B đã định đoạt vượt quá là 56,94m<sup>2</sup> (trong đó 1,87m<sup>2</sup> đất ở, 55,07m<sup>2</sup> đất vườn); phần giá trị ngôi nhà ngói ba gian còn lại trị giá 7.543.300 đồng.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn.

Giao cho ông Đinh Viết M được quyền sử dụng 231,3m<sup>2</sup> đất bao gồm 90m<sup>2</sup> đất ở, 141,3m<sup>2</sup> đất vườn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 905, tờ bản đồ số 6, thửa số 03 cấp ngày 10/12/1994 mang tên ông Đinh Viết H6, nay là thửa 66 tờ bản đồ số 18 bản đồ địa chính thị trấn N1.

Giao cho vợ chồng ông Đinh Viết M, bà Trần Thị Bích H được quyền sở hữu và sử dụng các tài sản là di sản thừa kế của cụ H6 và cụ B gồm: nhà ở mái ngói ba gian (của cụ H6 và cụ B): Móng đá tường xây gạch đỏ, vữa xi măng, nhà cột gỗ, đủ hàng cột theo kiểu nhà cổ, cửa gỗ đòn tay buong, mái lợp ngói đỏ nền bê tông xi măng cao 3,3m + nhà vệ sinh sau nhà ở của cụ H6 và cụ B, tường xây gạch bi vữa vi măng, mái lợp; Bể phốt xây gạch đỏ, vữa xi măng, có nắp bê tông cốt thép.

Giao cho vợ chồng ông Đinh Viết M, bà Trần Thị Bích H được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ các tài sản trên đất do vợ chồng ông M, bà H đã xây dựng và tôn tạo gồm: nhà mái bằng 1 tầng, móng đá vữa xi măng, có giằng móng, tường xây gạch đỏ, đỡ cột kiên cố bê tông cốt thép, nền lát gạch men liên doanh, cửa gỗ, kính có cầu thang trong nhà, vệ sinh trong nhà, tường lăn sơn có góc xép bê tông cốt thép; Hiên nhà mái bằng cùng kiểu; Lán tôn không xây tường cột kẽm phi 4, cao 3,5m, vì kèo sắt mái lợp tôn nền bê tông xi măng kích thước (4,8m x 5,3m); nhà bếp móng đá, tường xây gạch bi, vữa xi măng, vì kèo buong, cột gỗ, mái lợp ngói đỏ, nền bê tông xi măng, cửa gỗ cao 3,5m; Hiên nhà bếp (kích thước 5,5m X 1,2m); Chuồng gà móng đá, tường xây gạch bi, vữa xi măng không trát, vì kèo gỗ, đòn tay buong, mái lợp proximang; Chuồng lợn móng đá, tường gạch bi, vữa xi măng, vì kèo, đòn tay buong luồng, mái lợp proximang; Lán bán mái không xây tường, cột gỗ đòn tay buong mái lợp proximang, cao 2,7m; Lán bán mái không xây tường, cột gỗ mái lợp proximang; Lán bán mái không xây tường, cột sắt, mái lợp tôn, nền bê tông; nhà vệ sinh (bể phốt) sau nhà tầng, tường gạch mái proximang cao 2,9m; Bể nước mưa xây gạch đỏ, xi măng; Giếng nước xây đá ong; Sân bê tông xi măng đá KT (14m x 8m) x 0,1m; Tường rào xây gạch bi vữa xi măng trát hoàn thiện KT (16m x 0,18m x 3,2m); 01 cây lộc vừng phi 30cm; 02 Cây Xoài tán lá 4m và tán lá 6m; cổng khung kẽm.

Ông Đinh Viết M có trách nhiệm thanh toán giá trị đất và tài sản trên đất là di sản thừa kế theo phần được hưởng cho ông H và ông Đ1 mỗi người tổng số tiền là 58.713.669\_đồng.

Kể từ ngày ông H, ông Đ1 có đơn yêu cầu thi H2nh án, nếu ông M không thanh toán hết số tiền phải thi H2nh án cho ông H, ông Đ1 thì hàng tháng ông M

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Giao cho chị Đinh Thanh T4 được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ các tài sản nằm trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Đinh Thanh T4 do trước đó vợ chồng ông M, bà H1 đã xây dựng.

Giao cho vợ chồng chị Đinh Thanh T3, anh Lê Văn M1 được quyền sở hữu và tiếp tục sử dụng toàn bộ các tài sản nằm trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng chị Đinh Thanh T3, anh Lê Văn M1 do trước đó vợ chồng ông M, bà H1 đã xây dựng.

6. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Về chi phí định giá tài sản cho Hội đồng định giá tài sản là 600.000 đồng, ông Đinh Viết H đã tự thanh toán và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Đinh Viết H phải chịu chi phí thẩm định là: 1.832.445 đồng.

Ông Đinh Viết Đ1 phải chịu là 173.036 đồng. Ông Đ1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đinh Viết H số tiền chi phí thẩm định là 173.036 đồng.

Ông Đinh Viết M phải chịu là 1.067.243 đồng. Ông M có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đinh Viết H số tiền chi phí thẩm định là 1.067.243 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 20/9/2019, ông Đinh Viết H kháng cáo bản án sơ thẩm số 05 ngày 09/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện N đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 09/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia tài sản thừa kế của cụ H6 và cụ B là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Đinh Viết H6 năm 1994 tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 06 có diện tích là 585m<sup>2</sup> (trong đó có 210m<sup>2</sup> đất ở và 375 m<sup>2</sup> đất vườn) xã Đồng Phong, huyện N, tỉnh Ninh Bình và một nhà ở mái ngói ba gian và công trình phụ; không đề nghị Tòa án chia thừa kế 04 sào đất nông nghiệp. Ông H yêu cầu hủy các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất gồm: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 55/CN ngày 02/5/2004 giữa cụ Đinh Thị B và bà Nguyễn Thanh T6; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 67/CN ngày

12/5/2004 giữa cụ Đinh Thị B và ông Đinh Viết M; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 03/TC-QSĐĐ ngày 08/3/2018 giữa ông Đinh Viết M và bà Trần Thị Bích H cho chị Đinh Thanh T4; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 02/TC-QSĐĐ ngày 08/3/2018 giữa ông Đinh Viết M và bà Trần Thị Bích H cho vợ chồng chị Đinh Thanh T3, anh Lê Văn M1; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 89/CN-QSĐĐ ngày 20/11/2017 giữa bà Nguyễn Thanh T6 và vợ chồng ông Trần Xuân L, bà Nguyễn Thị T5 và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Bị đơn, ông M không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N4, bà H5, bà H4 không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phân tích các tình tiết của vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm. Nguyên đơn, phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các tình tiết của vụ án như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của nguyên đơn làm và nộp trong thời hạn luật định nên nội dung kháng cáo được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đ1, bà Nh, chị Đinh Thị Thanh T3, anh M1, chị Đinh Thanh T4, ông L, bà Nguyễn Thị T5, chị Nguyễn Thanh T6 đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về mối quan hệ gia đình, huyết thống:

Các đương sự đều xác nhận cụ Đinh Viết H6 và cụ Đinh Thị B là vợ chồng. Trong thời kỳ hôn nhân cụ H6 và cụ B có 08 người con đẻ là: Đinh Viết T7, sinh năm 1949 (là liệt sỹ hy sinh năm 1968, không có vợ, con), Đinh Thị H2 (tên gọi khác Đinh Thị H3), sinh năm 1952, Đinh Thị H5, sinh năm 1958, Đinh Viết H,

sinh năm 1960, Đinh Viết Đ1, sinh năm 1962, Đinh Viết M, sinh năm 1968, Đinh Thị H4, sinh năm 1971 và Đinh Thị N4, sinh năm 1965. Cụ H6, cụ B không có con riêng, con nuôi.

[3] Về thời điểm mở thừa kế:

Tại trích lục khai tử số 36/TLKT-BS ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Phong, huyện N, cụ Đinh Viết H6 chết ngày 25/6/1998. Tại trích lục khai tử số 92/2018/TLKT-BS ngày 01/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Phong, huyện N, cụ Đinh Thị B chết ngày 15/5/2014. Như vậy, thời điểm mở thừa kế đối với cụ H6 là ngày 25/6/1998, thời điểm mở thừa kế đối với cụ B là ngày 15/5/2014.

[4] Về xác định những người thừa kế:

Tại thời điểm mở thừa kế đối với tài sản của cụ H6 những người thừa kế tài sản của cụ H6, hàng thừa kế thứ nhất gồm: Cụ Đinh Thị B, bà Đinh Thị H2 (tên gọi khác Đinh Thị H3), bà Đinh Thị H5, ông Đinh Viết H, ông Đinh Viết Đ1, ông Đinh Viết M (tên gọi khác Đinh Văn M), bà Đinh Thị H4, bà Đinh Thị N4.

Tại thời điểm mở thừa kế đối với tài sản của cụ B những người thừa kế tài sản của cụ B, hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Đinh Thị H2 (tên gọi khác Đinh Thị H3), bà Đinh Thị H5, ông Đinh Viết H, ông Đinh Viết Đ1, ông Đinh Viết M (tên gọi khác Đinh Văn M), bà Đinh Thị H4, bà Đinh Thị N4.

Các tài liệu có trong hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa khẳng định những người thừa kế không có thỏa thuận phân chia di sản.

[5] Về xác định khối tài sản chung của cụ H6 và cụ B:

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, khối tài sản chung của cụ H6 và cụ B vào thời điểm cụ H6 chết gồm: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Đinh Viết H6 năm 1994 tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 06 có diện tích là 585m<sup>2</sup> (trong đó có 210m<sup>2</sup> đất ở và 375 m<sup>2</sup> đất vườn) xã Đ P, huyện N, tỉnh Ninh Bình, 04 sào bắc bộ đất nông nghiệp và một nhà ở mái ngói ba gian và công trình phụ. Các đương sự không yêu cầu chia thừa kế 04 sào bắc bộ đất nông nghiệp nên tài sản của cụ B và cụ H6 tại thời điểm cụ H6 chết được định giá theo biên bản định giá ngày 31/5/2018 gồm: Giá trị quyền sử dụng đất là 1.046.800.000 đồng + giá trị nhà mái ngói ba gian và công trình phụ là 17.241.828 đồng = 1.064.041.828 đồng.

[6] Về xác định di sản của cụ H6:

Tài sản của cụ H6 được xác định theo quy định tại Điều 14 và Điều 17 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 là một nửa giá trị khối tài sản chung của cụ H6

và cụ B tại thời điểm cụ H6 chết. Di sản của cụ H6 trị giá là 1.064.041.828 đồng : 2 = 532.020.914 đồng. Sau khi cụ H6 chết, cụ B là người quản lý di sản của cụ H6. Năm 2004, cụ B đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thanh T6 01 phần quyền sử dụng đất có diện tích là 122m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở và 72m<sup>2</sup> đất vườn). Trên thực tế theo bản đồ số đo đạc thì diện tích chuyển nhượng là 126,5m<sup>2</sup>. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị T6 và cụ B đã được cấp chính quyền xác nhận và chị T6 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thanh T6. Những người thừa kế tài sản của cụ H6 đều biết và không phản đối việc chuyển nhượng, số tiền chuyển nhượng dùng để lo cuộc sống của các đồng thừa kế. Tình huống pháp lý này tương tự tình huống pháp lý tại án lệ số 16/2017/AL của Tòa án nhân dân tối cao. Theo Án lệ số 16/2017/AL về di sản thừa kế là bất động sản đã được một trong các đồng thừa kế chuyển nhượng. Các đồng thừa kế khác biết và không phản đối việc chuyển nhượng đó. Số tiền chuyển nhượng dùng để lo cuộc sống của các đồng thừa kế. Bên nhận chuyển nhượng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được công bố theo Quyết định số 299/QĐ-CA ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì *“Trường hợp này, Tòa án phải công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hợp pháp và diện tích đất đã chuyển nhượng không còn trong khối di sản chia thừa kế mà thuộc quyền sử dụng của bên nhận chuyển nhượng”*. Như vậy, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ B và chị Thủy là hợp pháp. Năm 2017, chị Thủy đã chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này cho vợ chồng ông bà Nguyễn Thị T5, ông Trần Xuân L, ở phố T L, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình theo đúng quy định của pháp luật nên phần diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông bà Nguyễn Thị T5, ông Trần Xuân L. Bản án sơ thẩm công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ B và chị Thủy; giữa chị Thủy và vợ chồng ông bà Nguyễn Thị T5, ông Trần Xuân L và không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến diện tích đất này là đúng quy định của pháp luật. Giá trị quyền sử dụng diện tích đất cụ B chuyển nhượng cho chị Thủy theo biên bản định giá ngày 31/5/2018 là 226.500.000 đồng. Số tiền này không được tính vào giá trị khối di sản thừa kế của cụ H6. Do đó, trị giá di sản của cụ H6 còn lại là 532.020.914 đồng - 226.500.000 đồng = 305.520.914 đồng. Cụ H6 chết không để lại di chúc nên di sản được để lại cho những người được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật là cụ Đình Thị B, bà Đình Thị H2 (tên gọi khác Đình Thị H3), bà Đình Thị H5, ông Đình Viết H, ông Đình Viết Đ1, ông Đình Viết M, bà Đình Thị H4,

bà Đinh Thị N4 (gồm 08 kỹ phần). Trị giá di sản của cụ H6 được chia đều cho 08 kỹ phần thừa kế mỗi kỹ phần được hưởng giá trị là 38.190.114 đồng.

[6] Về xác định di sản của cụ B:

Sau khi cụ H6 chết, tài sản của cụ B được xác định theo quy định tại Điều 14 và Điều 17 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 là một nửa giá trị khối tài sản chung của cụ H6 và cụ B và kỹ phần thừa kế mà cụ B được hưởng từ di sản của cụ H6. Tổng giá trị tài sản của cụ B là 532.020.914 đồng + 38.190.114 đồng = 570.211.028 đồng. Tại văn bản về việc tách đất cho con lập ngày 11/5/2004 do cán bộ địa chính xã Đ P, huyện N lập cuối văn bản có chữ ký của cụ B, ông M, cán bộ địa chính xã Đ P tại thời điểm ghi biên bản là ông Nguyễn Văn B1 và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ P với nội dung thể hiện cụ Đinh Thị B đã chuyển quyền sử dụng đất cho ông Đinh Viết M diện tích 264m<sup>2</sup> (trong đó 70m<sup>2</sup> đất ở, và 194m<sup>2</sup> đất vườn) thuộc thửa số 03 tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Đ P. Trên cơ sở văn bản này cụ B và ông M đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 67/CN ngày 12/5/2004 và được các cơ quan quản lý đất đai huyện N xác nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Viết M. Sau khi chuyển nhượng vợ chồng ông M, bà H đã xây dựng nhà mái bằng và các công trình trên đất các đồng thừa kế khác biết không phản đối. Vì vậy, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà B và ông M là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 3, điều 73 Luật đất đai năm 1993 và các Điều 690, 691, 692, 693, 695, 696 Bộ luật dân sự năm 1995. Năm 2018, ông Đinh Viết M tặng cho các con gái là Đinh Thanh T3 (chồng Lê Văn M1) diện tích đất là 130,2m<sup>2</sup> và Đinh Thanh T4 diện tích là 138,8m<sup>2</sup>. Theo biên bản định giá ngày 31/5/2018 trị giá là Thửa 176, tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính THỊ TRẦN N1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2018 mang tên chị Đinh Thanh T4 có giá trị chuyển nhượng là 138.800.000 đồng. Thửa 175 tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính thị trấn N1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2018 mang tên vợ chồng anh Lê Văn M1, chị Đinh Thanh T3 có giá trị chuyển nhượng là 270.200.000 đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất cụ B đã chuyển nhượng cho ông M là 409.000.000 đồng không vượt quá giá trị tài sản của cụ B. Bản án sơ thẩm công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ B và ông M; giữa ông M và các con ông M và không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến diện tích đất này là đúng quy định của pháp luật. Giá trị di sản còn lại của cụ B được tính là 570.211.028 đồng - 409.000.000 đồng = 161.211.028 đồng.



[7] Ngày 12 tháng 6 năm 2011, cụ Đinh Thị B có lập di với nội dung: Cụ B có mảnh đất tại phố Đ, thị trấn N1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 905, tờ bản đồ số 6, thửa số 03 cấp ngày 10/12/1994 mang tên ông Đinh Viết H6. Cụ B lập di chúc giao lại toàn bộ mảnh đất cũng như nhà cửa và công trình phụ cho ông Đinh Viết M hoàn toàn sử dụng và có trách nhiệm nuôi dưỡng cụ B lúc về già. Phía dưới có điểm chỉ hai ngón trỏ trái và ngón trỏ phải của cụ B. Di chúc được ông Đặng Tiến Th, Phó chủ tịch Ủy ban thị trấn N1 chứng thực ngày 13/6/2011. Vào thời điểm lập di chúc, cụ B là người quản lý di sản của cụ H6. Theo quy định tại Điều 639 Bộ luật Dân sự năm 2005, cụ B không được quyền định đoạt di sản thừa kế của cụ H6. Đây là di chúc có chứng thực nhưng không tuân thủ triệt để quy định tại Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2005 về thủ tục lập di chúc tại Ủy ban nhân dân xã. Vì vậy, nội dung bản di chúc này là không hợp pháp nên di chúc không có hiệu lực pháp luật. Di sản còn lại của cụ B sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế. Sau khi cụ B chết ông M là người quản lý di sản nên cần tính công sức trông coi bảo quản di sản cho ông M tương đương một kỹ phần thừa kế. Tại thời cụ B chết, hàng thừa kế thứ nhất còn sống là 07 người. Di sản thừa kế của cụ B được chia làm 8 kỹ phần  $161.211.028 \text{ đồng} : 8 = 20.151.378 \text{ đồng}$ . Ông M được hưởng thêm một kỹ phần công sức trông coi bảo quản di sản. Bà Đinh Thị H2 (tên gọi khác Đinh Thị H3), bà Đinh Thị H5, bà Đinh Thị H4, bà Đinh Thị N4 đều tự nguyện cho ông Đinh Viết M giá trị kỹ phần thừa kế của mình nên ông M được hưởng tổng cộng 06 kỹ phần trong khối di sản của cụ B.

[8] Bản án sơ thẩm, đã sai lầm trong việc áp dụng pháp luật dẫn đến việc xác định giá trị di sản không chính xác và tính án phí không đúng. Vì vậy, cần sửa bản án sơ thẩm xác định giá trị mỗi kỹ phần thừa kế mà các thừa kế được hưởng giá trị trong khối tài sản thừa kế của cụ H6 là 38.190.114 đồng + giá trị trong khối tài sản thừa kế của cụ B là 20.151.378 đồng. Tổng cộng là 58.341.492 đồng. Ông Đinh Viết M được hưởng khoản tiền chi phí cho việc bảo quản di sản là 20.151.378 đồng và giá trị các kỹ phần của các thừa kế bà Đinh Thị H2 (tên gọi khác Đinh Thị H3), bà Đinh Thị H5, bà Đinh Thị H4, bà Đinh Thị N4. Tổng giá trị di sản thừa kế ông M được hưởng là 311.858.838 đồng. Ông Đinh Viết H, ông Đinh Viết Đ1 được hưởng mỗi người giá trị một kỹ phần là 58.341.492 đồng.

[9] Về chia di sản bằng hiện vật:

Căn cứ giá trị di sản mà các thừa kế được hưởng; thực trạng di sản là quyền sử dụng đất; các quy định của pháp luật về đất đai để đảm bảo giá trị của tài sản. Bản án sơ thẩm đã giao cho ông Đinh Viết M được sở hữu toàn bộ di sản

của cụ H6, cụ B và có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho ông Đinh Viết H, ông Đinh Viết Đ1 là đúng quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu kháng cáo của ông H về vấn đề này không có cơ sở để chấp nhận.

[10] Về chi phí tố tụng:

Về chi phí định giá tài sản cho Hội đồng định giá tài sản là 600.000 đồng, ông Đinh Viết H đã tự thanh toán và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ông H phải chịu.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Đinh Viết H phải chịu chi phí thẩm định là: 1.832.445 đồng. Ông Đinh Viết Đ1 phải chịu là 173.036 đồng. Ông Đ1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đinh Viết H số tiền chi phí thẩm định là 173.036 đồng. Ông Đinh Viết M phải chịu là 1.067.243 đồng. Ông M có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đinh Viết H số tiền chi phí thẩm định là 1.067.243 đồng.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại điểm a, khoản 7 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được hưởng, được chia. Giá trị di sản thừa kế ông Đinh Viết M được hưởng là  $311.858.838 \text{ đồng} \times 5\% = 15.592.941 \text{ đồng}$ . Giá trị di sản thừa kế ông Đinh Viết H được hưởng là  $58.341.492 \text{ đồng} \times 5\% = 2.917.074 \text{ đồng}$  (hai triệu chín trăm mười bảy nghìn không trăm bảy mươi tư đồng). Giá trị di sản thừa kế ông Đinh Viết Đ1 được hưởng là  $58.341.492 \text{ đồng} \times 5\% = 2.917.074 \text{ đồng}$  (hai triệu chín trăm mười bảy nghìn không trăm bảy mươi tư đồng).

Theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các đương sự phải chịu án phí yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu như sau: Nguyên đơn ông Đinh Viết H yêu cầu tuyên bố 05 Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất vô hiệu không được chấp nhận nên ông M phải chịu mức án phí không giá ngạch là 300.000 đồng đối với mỗi yêu cầu. Tổng cộng 05 yêu cầu là 1.500.000 đồng.

[12] Về án phí phúc thẩm:

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại cho ông M 300.000 đồng tiền tạm án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 148, 156, 157, 164, 165, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 690, 691, 692, 693, 695, 696 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 639, 658 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 357, 468, 500, 501, 502, 503, 609, 610, 611, 612, 613, 616, 618, 623, 649, 650, 651, 658, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 14 và Điều 17 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; các Điều 3, điều 73 Luật Đất đai năm 1993; Điều 167 Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng án lệ số 16/2017/AL của Tòa án nhân dân tối cao được công bố theo Quyết định số 299/QĐ-CA ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Điều 26, khoản 3, khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đinh Viết H.

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N cụ thể như sau:

1.1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia 04 sào bắc bộ đất nông nghiệp tại phố Đ, thị trấn N1.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đinh Viết H về việc hủy các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất gồm: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 55/CN ngày 02/5/2004 giữa cụ Đinh Thị B và bà Nguyễn Thanh T6; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 67/CN ngày 12/5/2004 giữa cụ Đinh Thị B và ông Đinh Viết M; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 03/TC-QSDD ngày 08/3/2018 giữa ông Đinh Viết M và bà Trần Thị Bích H cho chị Đinh Thanh T4; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 02/TC-QSDD ngày 08/3/2018 giữa ông Đinh Viết M và bà Trần Thị Bích H cho vợ chồng chị Đinh Thanh T3, anh Lê Văn M1; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 89/CN-QSDD ngày 20/11/2017 giữa bà Nguyễn Thanh T6 và vợ chồng ông Trần Xuân L, bà Nguyễn Thị T5.

1.3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn ông Đinh Viết H.

Chia di sản thừa kế của cụ Đinh Viết H6 và Đinh Thị B là quyền sử dụng quyền sử dụng 231,3m<sup>2</sup> đất bao gồm 90m<sup>2</sup> đất ở, 141,3m<sup>2</sup> đất vườn giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số 905, tờ bản đồ số 6, thửa số 03 cấp ngày 10/12/1994 mang tên ông Đinh Viết H6, nay là thửa 66 tờ bản đồ số 18 bản đồ địa chính thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình, ngôi nhà ngói 03 gian và các tài sản khác trên đất.

Công nhận sự tự nguyện của bà Đinh Thị H3 (tên gọi khác Đinh Thị H2), bà Đinh Thị H5, bà Đinh Thị H4, bà Đinh Thị N4 cho ông Đinh Viết M giá trị kỹ phần được thừa kế từ di sản của cụ Đinh Viết H6 và Đinh Thị B.

Giao cho ông Đinh Viết M được quyền sử dụng 231,3m<sup>2</sup> đất bao gồm 90m<sup>2</sup> đất ở, 141,3m<sup>2</sup> đất vườn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 905, tờ bản đồ số 6, thửa số 03 cấp ngày 10/12/1994 mang tên ông Đinh Viết H6, nay là thửa 66 tờ bản đồ số 18 bản đồ địa chính thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình, ngôi nhà ngói 03 gian và các tài sản khác trên đất.

Ông Đinh Viết M có trách nhiệm thanh toán giá trị kỹ phần thừa kế cho ông Đinh Viết H số tiền là 58.341.492 đồng (năm mươi tám triệu ba trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm chín hai đồng).

Ông Đinh Viết M có trách nhiệm thanh toán giá trị kỹ phần thừa kế cho ông Đinh Viết Đ1 số tiền là 58.341.492 đồng (năm mươi tám triệu ba trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm chín hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

#### 1.4. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản:

Về chi phí định giá tài sản cho Hội đồng định giá tài sản là 600.000 đồng, ông Đinh Viết H đã tự thanh toán và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ông H phải chịu.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Ông Đinh Viết H phải chịu chi phí thẩm định là: 1.832.445 đồng.

Ông Đinh Viết Đ1 phải chịu là 173.036 đồng. Ông Đ1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đinh Viết H số tiền chi phí thẩm định là 173.036 đồng.

Ông Đinh Viết M phải chịu là 1.067.243 đồng. Ông M có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đinh Viết H số tiền chi phí thẩm định là 1.067.243 đồng.

#### 1.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đinh Viết H phải nộp: 2.917.074 đồng (hai triệu chín trăm mười bảy nghìn không trăm bảy tư đồng) án phí chia di sản thừa kế và án phí yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Đối trừ với tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0001000 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Nay hoàn lại cho ông H là 5.582.926 đồng (năm triệu năm trăm tám mươi hai nghìn chín trăm hai sáu đồng).

Ông Đinh Viết M phải nộp 15.592.941 đồng (mười lăm triệu năm trăm chín hai nghìn chín trăm bốn một đồng).

Ông Đinh Viết Đ1 phải nộp: 2.917.074 đồng (hai triệu chín trăm mười bảy nghìn không trăm bảy tư đồng).

2. Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đinh Viết H không phải chịu. Hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000290 ngày 20/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 27 tháng 12 năm 2019.

**Nơi nhận:**

- Tòa án cấp cao tại Hà Nội;
- Phòng KTNV-THA;
- Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình;
- Tòa án nhân dân huyện N;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đinh Huy Lương**

